

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Khiết Như
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Uyên P**, sinh ngày 01/01/1977.

Địa chỉ ĐKHKTT: **Số F khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Địa chỉ hiện tại: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

Bị đơn: Ông **Phan Công H**, sinh ngày: 15/06/1975

Địa chỉ ĐKHKTT: **ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

Địa chỉ hiện tại: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (Các đương sự cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2024, nguyên đơn là bà **Trần Thị Uyên P** trình bày:

Bà **Trần Thị Uyên P** và ông **Phan Công H** quen biết nhau và có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới năm 1999, vợ chồng đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** và được cấp giấy đăng ký kết hôn số: 05/HT-1999, cấp ngày: 20/06/1999. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là: **Phan Trần Phương U**, sinh ngày 02/06/2002 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 hiện nay đang sống chung với mẹ.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **Trần Thị Uyên P** yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông **Phan Công H**.

Về con chung: Do con chung tên **Phan Trần Phương U**, sinh ngày 02/06/2002 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên bà **Trần Thị Uyên P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà **Trần Thị Uyên P** yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên bà **Trần Thị Uyên P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên bà **Trần Thị Uyên P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa, bà **Trần Thị Uyên P** có ý kiến xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con với nội dung như sau: không yêu cầu ông **Phan Công H** cấp dưỡng nuôi con chung tên **Phan Trần Phương A**, sinh ngày: 28/10/2011 nữa.

Bị đơn là anh Phan Công H trình bày:

Ông **Phan Công H** đồng ý ly hôn với bà **Trần Thị Uyên P**.

Về con chung: Do con chung tên **Phan Trần Phương U**, sinh ngày 02/06/2002 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên ông **Phan Công H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên **Phan Trần Phương A**, sinh ngày: 28/10/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà **P** và ông **H** tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà **P** là người xin ly hôn với ông **H**, nên thuộc trường hợp có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xét thấy, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà **P** và ông **H** là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà **P**, ông **H** không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay; Bà **P** kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông **H**; còn ông **H** cũng đồng ý ly hôn với bà **P**. Theo biên bản hòa giải ngày 22/3/2024 bà **P** và ông **H** thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được toàn bộ vụ án vụ thể còn không thoản thuận về nuôi con con tên **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011.

Về con chung: Có 02 con chung: **Phan Trần Phương U**, sinh ngày: 02/06/2002 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng; còn cháu **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 hiện nay đang sống chung với bà **P**. Theo nguyện vọng của cháu **Phương A** muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu **Phương A** cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông **H** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà **P** không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

Về án phí HNGĐ: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc nguyên đơn có ý kiến xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung trong trường hợp con chung tên là **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 được giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại khoản

1, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét các yêu cầu của nguyên đơn được trình bày tại phiên Tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, nguyên đơn có ý kiến cương quyết đòi ly hôn với bị đơn, đồng thời xác định không còn tình cảm gì đối với bị đơn nữa và trong quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án, bị đơn cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung tên là: **Phan Trần Phương U**, sinh ngày 02/06/2002 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 hiện nay đang sống chung với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của cháu **Phương A** đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, tiếp tục giao con chung tên là **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Do nguyên đơn và bị đơn trong quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án đã thỏa thuận tự nguyện đồng ý ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, theo đó mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định.

Như vậy, nguyên đơn phải chịu 75.000 đồng án phí HNST, bị đơn phải chịu 75.000 đồng án phí HNST.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Trần Thị Uyên P** và ông **Phan Công H**.

2. Về con chung: Giao con chung tên là **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 cho bà **Trần Thị Uyên P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông **Phan Công H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Riêng con chung tên là **Phan Trần Phương U**, sinh ngày 02/06/2002 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông **Phan Công H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là **Phan Trần Phương A**, sinh ngày 28/10/2011 do bà **Trần Thị Uyên P** không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà **Trần Thị Uyên P** và ông **Phan Công H** khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà **Trần Thị Uyên P** phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Bà **Trần Thị Uyên P** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001171 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp và được hoàn lại 225.000 đồng.

Ông **Phan Công H** phải chịu 75.000 đồng án phí HNST.

6. Án xử công khai, bà **Trần Thị Uyên P** và ông **Phan Công H** có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính

đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

